

## KẾT QUẢ KINH DOANH

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 36,300 VNĐ |         |         |
| 31/12/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | -0.5%      | 6.5%    | 40.3%   |

|             |        |                         |
|-------------|--------|-------------------------|
| DT<br>thuần | 2024   |                         |
|             | 455    | YoY<br>▲ 38.0<br>▲ 9.2% |
|             | tỷ VNĐ |                         |

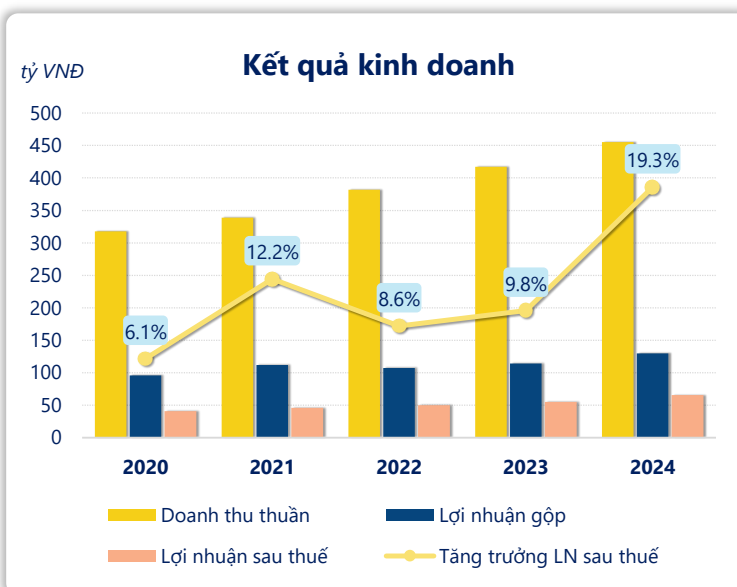
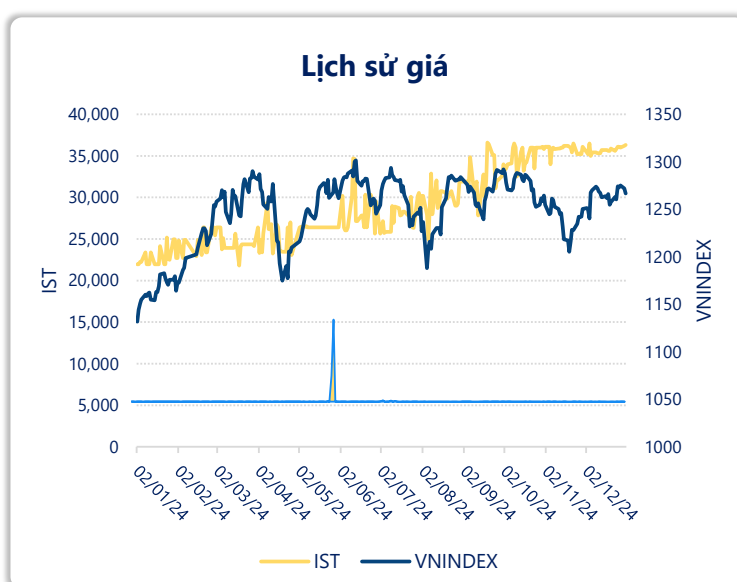
|        |        |                          |
|--------|--------|--------------------------|
| LN gộp | 2024   |                          |
|        | 130    | YoY<br>▲ 16.0<br>▲ 13.7% |
|        | tỷ VNĐ |                          |

|             |        |                          |
|-------------|--------|--------------------------|
| LN<br>thuần | 2024   |                          |
|             | 81.4   | YoY<br>▲ 12.6<br>▲ 18.3% |
|             | tỷ VNĐ |                          |

|                |        |                          |
|----------------|--------|--------------------------|
| LN sau<br>thuế | 2024   |                          |
|                | 65.5   | YoY<br>▲ 10.6<br>▲ 19.3% |
|                | tỷ VNĐ |                          |

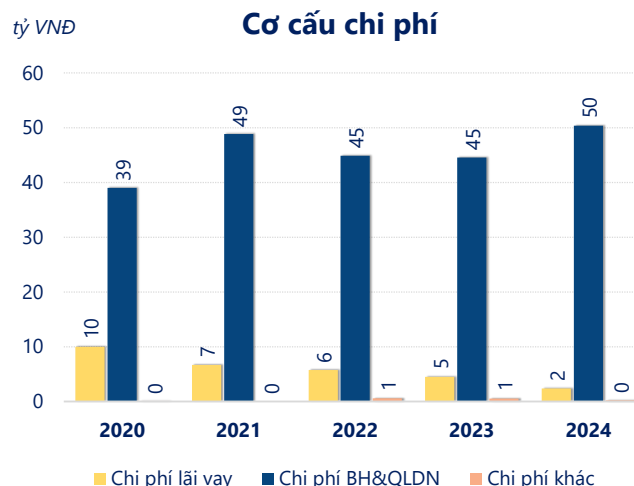
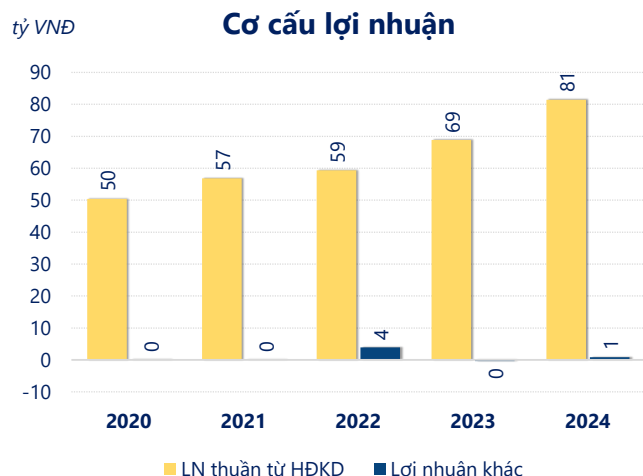
|     |       |                   |
|-----|-------|-------------------|
| ROE | 2024  |                   |
|     | 29.1% | +/- YoY<br>▲ 2.5% |
|     |       |                   |

|     |       |                   |
|-----|-------|-------------------|
| ROA | 2024  |                   |
|     | 13.3% | +/- YoY<br>▲ 1.8% |
|     |       |                   |



Năm **2024**, **IST** ghi nhận doanh thu thuần **455.4** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **65.51** tỷ đồng, lần lượt **tăng 9.16%** và **tăng 19.3%** so với năm trước.

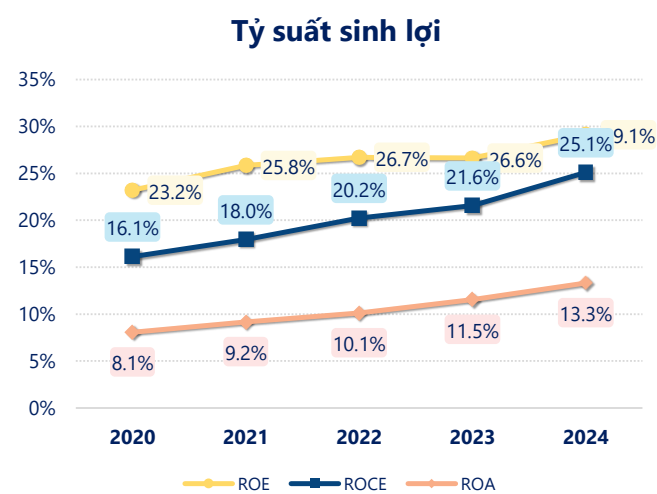
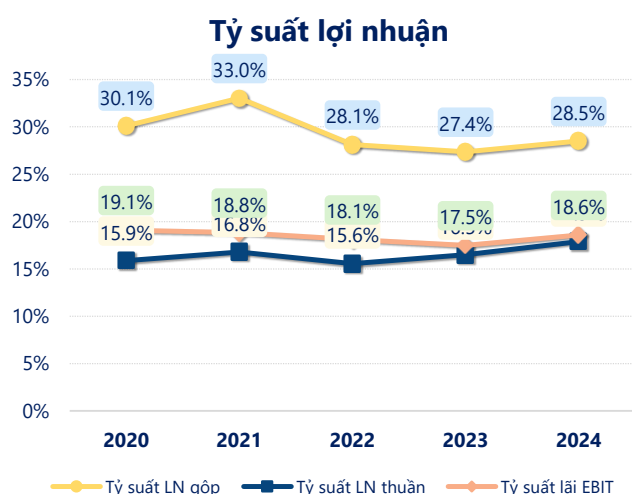
Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **29.1%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.



Năm **2024**, IST có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **81.42** tỷ đồng, **tăng lên 12.60** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (63.39 tỷ đồng) là 18.03 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

**Chi phí lãi vay giảm xuống** so với năm trước, còn **2.38** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **50.35** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.23** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

**ROE** của IST năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **29.1%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



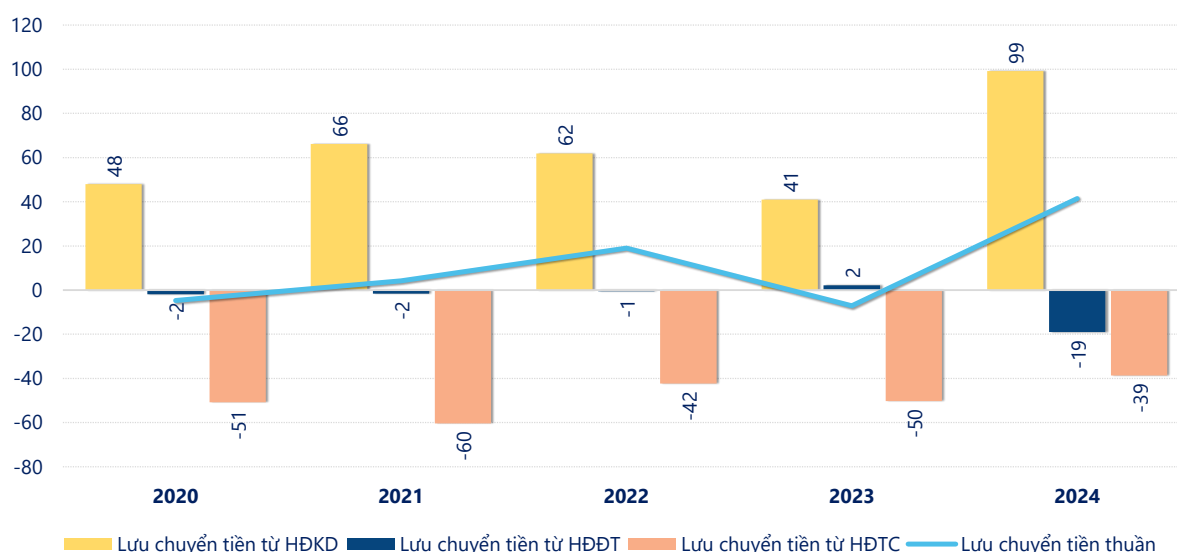
## KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

|                           | 2020        | 2021        | 2022        | 2023        | 2024        |
|---------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>318</b>  | <b>339</b>  | <b>382</b>  | <b>417</b>  | <b>455</b>  |
| Giá vốn hàng bán          | 222         | 227         | 274         | 303         | 326         |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>95.8</b> | <b>112</b>  | <b>107</b>  | <b>114</b>  | <b>130</b>  |
| Doanh thu HĐTC            | 3.65        | 0.50        | 2.78        | 3.75        | 4.40        |
| Chi phí TC                | 10.00       | 6.71        | 5.93        | 4.52        | 2.38        |
| <b>Chi phí lãi vay</b>    | <b>9.98</b> | <b>6.69</b> | <b>5.75</b> | <b>4.50</b> | <b>2.38</b> |
| LN trong công ty LKLD     | 0           | 0           | 0           | 0           | 0           |
| Chi phí bán hàng          | 3.42        | 2.93        | 3.07        | 2.62        | 3.45        |
| Chi phí QLDN              | 35.6        | 45.9        | 41.8        | 41.9        | 46.9        |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>   | <b>50.4</b> | <b>56.9</b> | <b>59.4</b> | <b>68.8</b> | <b>81.4</b> |
| Lợi nhuận khác            | 0.26        | 0.19        | 3.95        | -0.39       | 0.79        |
| <b>LN trước thuế</b>      | <b>50.7</b> | <b>57.1</b> | <b>63.3</b> | <b>68.4</b> | <b>82.2</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>41.1</b> | <b>46.1</b> | <b>50.0</b> | <b>54.9</b> | <b>65.5</b> |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b> | <b>41.1</b> | <b>46.1</b> | <b>50.0</b> | <b>54.9</b> | <b>65.5</b> |

tỷ VNĐ

## Lưu chuyển tiền



**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của IST bằng **41.43** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-7.11 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **99.13** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-18.98** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-38.72** tỷ đồng.